

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**VĂN HÓA TÔN GIÁO VÀ QUAN NIỆM
CỦA PHAN BỘI CHÂU VÀ TRẦN TRỌNG KIM
VỀ VĂN HÓA TÔN GIÁO**

NGUYỄN QUANG HUNG^(*)

Bài viết này khảo sát quan niệm của Max Weber về văn hóa tôn giáo, những đóng góp của một số nhà tư tưởng, trí thức Việt Nam trong nghiên cứu văn hóa Kitô giáo và văn hóa Nho giáo.

1. Văn hóa tôn giáo như một loại hình văn hóa

Tôn giáo, theo Ph. Ăngghen, “là sự phản ánh hư ảo vào đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”⁽¹⁾. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, bị chế ước bởi các điều kiện kinh tế - xã hội. Chúng ta ghi nhận cách tiếp cận mác xít trong nghiên cứu bản chất, nguồn gốc và chức năng của tôn giáo như một đóng góp quan trọng đối với tôn giáo học hiện đại.

Bên cạnh đó, sự phát triển của tôn giáo học hiện đại khởi đầu từ Friedrich Max Mueller (1823-1900) đòi hỏi cần có những cách tiếp cận mới trong nghiên cứu tôn giáo, trong đó phải kể tới cách tiếp cận coi tôn giáo như một hiện tượng, một bản thể xã hội. Các tôn giáo lớn là bản thể kiến tạo nên các xã hội điển

hình như xã hội Islam giáo, xã hội Nho giáo hay xã hội Kitô giáo. Ngoài ra, không thể bỏ qua cách tiếp cận nhìn nhận tôn giáo như một thành tố, thậm chí hạt nhân của văn hóa. Max Weber và Paul Tillich là những người tiên phong trong hướng nghiên cứu này. Mỗi tôn giáo đều chứa đựng những giá trị văn hóa đặc trưng riêng. Có văn hóa phi tôn giáo tức những giá trị văn hóa thế tục, nhưng không có tôn giáo nào phi các giá trị văn hóa. Các tôn giáo lớn kiến tạo nên những nền văn minh lớn như văn minh Kitô giáo, văn minh Islam giáo, văn minh Ấn Độ giáo. Với việc coi tôn giáo như là bản thể xã hội hay hạt nhân của văn hóa, người ta không thể đơn thuần quy tôn giáo vào một dạng thượng tầng kiến trúc bị chế ước bởi các điều kiện kinh tế, mà phải thấy vai trò to lớn và nhiều chiều của tôn giáo đối với sự phát triển văn hóa và xã hội các quốc gia.

Về văn hóa, có lẽ đây là một trong những phạm trù phức tạp nhất, với hàng

*. PGS. TS., Khoa Triết học, Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Ph. Ăngghen. *Chống Duyrinh*. C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 20, Nxb. CTQG, HN, 1995, tr. 437.

trăm định nghĩa khác nhau. Ở đây, ta tạm sử dụng định nghĩa của UNESCO: “Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội mà nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin”⁽²⁾. Trong định nghĩa văn hóa trên có sự hiện diện rõ nét của tôn giáo, tín ngưỡng.

Trong mọi trường hợp, dù người ta hiểu tôn giáo như thế nào đi nữa thì văn hóa và tôn giáo vẫn không thể tách biệt nhau. Quan hệ tôn giáo với văn hóa mang tính cốt lõi thuộc bản chất của tôn giáo bởi bất kì tôn giáo nào cũng chuyển tải những giá trị văn hóa nhất định dưới hình thức các chuẩn mực đạo đức, học thuyết xã hội mà tôn giáo đó đề xướng, các loại hình kiến trúc, thi ca và các loại hình nghệ thuật khác mà cơ sở thờ tự tôn giáo đó tạo dựng.

Các giá trị văn hóa đã thể hiện rõ ngay trong nội dung kinh kệ của các tôn giáo; bối cảnh lịch sử và văn hóa của các dân tộc sinh sống nơi sản sinh ra các kinh kệ đó: chẳng hạn, đời sống cư dân du mục của dân Do Thái cổ được thể hiện khá rõ trong các sách của Moise trong Cựu ước. Trong các sách Thánh vịnh ta thấy đậm tính thi ca trữ tình của người Do Thái cổ. Phật giáo vốn là một tông phái khởi nguồn từ Bà la môn giáo. Không khó nhận thấy nhiều nét văn hóa của người Ấn Độ cổ vùng Himalaya trong các kinh kệ của Phật giáo. Tương tự, ta thấy nhiều giá trị văn hóa của các dân tộc nơi các tôn giáo lớn phát sinh

như những giá trị văn hóa Ả Rập chứa đựng trong Kinh Coran... Bất luận thế nào, tôn giáo đều gắn với hoạt động của con người và do vậy bao giờ cũng gắn kết hữu cơ với văn hóa với tính cách là phương thức tồn tại và sản phẩm của hoạt động con người. Mọi tôn giáo đều mang bản chất của văn hóa. Bản thân các bộ Kinh Thánh, Kinh Phật, Kinh Coran, ... vừa là nền tảng của đức tin các tôn giáo thế giới, đồng thời còn là những di sản văn hóa vô giá của nhân loại, tạo nên sức sống mãnh liệt và bền bỉ trong lịch sử cả ngàn năm của các tôn giáo đó.

Quan hệ tôn giáo và văn hóa tiếp tục được thể hiện rõ trong lịch sử hình thành và phát triển các tôn giáo. Mọi tôn giáo đều phải có nghi lễ thờ cúng và cơ sở thờ tự. Điều dễ nhận thấy là các cơ sở thờ tự mang những nét văn hóa kiến trúc nhất định như kiến trúc Gotic, kiến trúc Baroc, ... trong các nhà thờ Kitô giáo, kiến trúc các thánh đường Islam giáo, kiến trúc chùa của Phật giáo... đều chứa đựng nhiều giá trị văn hóa độc đáo. Hội họa, âm nhạc, thi ca và các loại hình nghệ thuật khác của nhân loại từ xưa tới nay đều có sự tham gia rõ nét của các tôn giáo. Rõ ràng, các tôn giáo đã đóng góp một phần không nhỏ vào kho tàng các tác phẩm nghệ thuật và kiến trúc của nhân loại.

Không có tôn giáo nào lại không chứa đựng những giá trị văn hóa tôn giáo của nó dưới những hình thức khác nhau và như vậy, đương nhiên, các giá trị văn hóa tôn giáo cũng có lịch sử lâu đời như chính bản thân lịch sử của các tôn giáo vậy. Khó có thể thống kê số lượng các

2. UNESCO Universal Declaration on Cultural Diversity, February 21st, 2002.

công trình nghiên cứu về văn hóa của các tôn giáo cụ thể như văn hóa Kitô giáo, Islam giáo, Phật giáo... hay những giá trị văn hóa tôn giáo thể hiện trong loại hình nghệ thuật cụ thể như kiến trúc Kitô giáo, văn học Phật giáo... Tuy vậy, thuật ngữ “văn hóa tôn giáo” mới chỉ xuất hiện từ đầu thế kỉ XX. Trong một số từ điển, bách khoa thư nổi tiếng, chẳng hạn như American Encyclopedia hay Britain Encyclopedia đều không thấy mục từ “religious culture”. Điều này cho thấy việc nghiên cứu lí thuyết về bản chất của văn hóa tôn giáo như một loại hình văn hóa đặc thù chưa được quan tâm nhiều không chỉ ở Việt Nam mà cả ở nước ngoài.

Có lẽ Max Weber là một trong những người đầu tiên sử dụng thuật ngữ “tôn giáo văn hóa” (Kulturreligion) để ám chỉ một bản thể nằm giữa hai lĩnh vực văn hóa và tôn giáo. Trong tác phẩm *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Max Weber đã nêu vấn đề này như sau: “Những khảo sát tiếp theo, bàn về đạo đức học kinh tế của các tôn giáo thế giới [Wirtschaftsethik der Weltreligionen], mang mục tiêu vạch ra những mối liên hệ giữa các tôn giáo văn hóa [Kulturreligionen] quan trọng nhất với nền kinh tế và với sự phân tầng xã hội của môi trường bao quanh [các tôn giáo này]”⁽³⁾. Ngay sau đó, Weber lại tiếp tục sử dụng thuật ngữ này. “Chúng tôi buộc phải tự bằng lòng với việc tìm cách làm sáng tỏ một cách tối đa những điểm đối chiếu với những tôn giáo văn hóa [Kulturreligionen] Tây Phương của chúng ta”⁽⁴⁾.

Trong cả hai trường hợp, Weber đều chưa có giải thích rõ ràng nội dung hay nội hàm cụ thể của cái thuật ngữ “tôn

giáo văn hóa” mà ông sử dụng. Ông sử dụng thuật ngữ này ở thể số nhiều, ám chỉ mỗi tôn giáo có những bản sắc văn hóa riêng của mình, chuyển tải những thông điệp, giá trị văn hóa đặc trưng của mình. Không có tôn giáo nào lại tồn tại thiếu các giá trị văn hóa mà nó chuyển tải, chứa đựng. Văn hóa tôn giáo như là cái nhân, cái cốt cách của mỗi tôn giáo. Có nhiều tôn giáo khác nhau thì cũng có nghĩa là sẽ có nhiều nền văn hóa tôn giáo khác nhau. Mỗi tôn giáo có văn hóa riêng của mình. Đó là những giá trị văn hóa đặc thù mà tôn giáo đó chuyển tải. Chúng ta cũng có thể cảm thấy Max Weber không phân biệt tôn giáo văn hóa với văn hóa tôn giáo bởi cả hai chúng đều ám chỉ cái thực thể văn hóa nằm trong mỗi tôn giáo, các giá trị văn hóa mà tôn giáo chuyển tải. Thêm vào đó, văn hóa tôn giáo được hiểu như là cốt lõi, như là hạt nhân chứa đựng trong các giáo lí tôn giáo, nghi lễ thờ cúng, cơ sở thờ tự, nếp sống đạo của các tín đồ.

Max Weber tiếp tục các công trình của ông về văn hóa của những tôn giáo cụ thể trong các công trình bàn về các tôn giáo thế giới. Các tôn giáo lớn như Kitô giáo, Islam giáo, Nho giáo, Hindu giáo... tạo nên những nền văn minh lớn. Ngoài ra, Do Thái giáo tuy không tạo ra một nền văn minh lớn, nhưng góp phần đáng kể trong việc kiến lập các nền văn minh của các tôn giáo độc thần trên. Riêng Phật giáo thì lại khác, phần vì Phật giáo không phát triển lâu bền ở nơi tôn giáo này

3. Max Weber, *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*. Bản dịch từ tiếng Đức của Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008, tr. 62.

4. Max Weber, *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*... Sdd., tr. 65.

phát tích, phần khác, vì Phật giáo không tồn tại độc lập, mà dung thông với các tôn giáo khác. Do vậy, vấn đề có tồn tại văn hóa Phật giáo với đặc thù riêng của nó cũng còn là đề tài đang bàn cãi.

Quan niệm của Max Weber mở ra một hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu tôn giáo, phác thảo mối quan hệ hữu cơ giữa tôn giáo và văn hóa, khẳng định vai trò to lớn của tôn giáo đối với văn hóa. Từ góc độ này, ông có cách diễn giải hợp lý và khách quan hơn mối quan hệ giữa tôn giáo với các điều kiện kinh tế-xã hội. “Các ý tưởng tôn giáo tuyệt nhiên không thể được *diễn dịch* đơn thuần từ các điều kiện ‘kinh tế’; vì - chắc chắn không thể khác được - chính bản thân các ý tưởng tôn giáo này là những yếu tố mạnh mẽ nhất cấu tạo nên ‘tính cách dân tộc’ [“*Volkscharakter*”], chúng có một quy luật phát triển riêng và có một sức mạnh cưỡng chế riêng của chúng”⁽⁵⁾. Không nên cho rằng các điều kiện kinh tế-xã hội sản sinh ra tôn giáo quyết định sự phát triển của tôn giáo một cách phiến diện, một chiều.

2. Phan Bội Châu về văn hóa tôn giáo

Nhìn chung, các nhà tư tưởng Việt Nam nói chung, Phan Bội Châu nói riêng, đều không trực tiếp bàn về văn hóa tôn giáo như một loại hình văn hóa đặc thù, những đặc điểm riêng cũng như bản chất của loại hình văn hóa này. Nhưng các ông bàn về các giá trị của những văn hóa tôn giáo cụ thể như văn hóa Nho giáo, văn hóa Kitô giáo... Phan Bội Châu sống trong bối cảnh nhà Nguyễn để mất nước, dưới sức ép của chính quyền thuộc địa, từ chỗ cấm đạo tới chỗ thừa nhận tự do truyền đạo theo Hòa ước 1862, cho phép người Công giáo

hoàn toàn bình đẳng theo Hiệp ước 1874. Tuy nhiên, người Công giáo vẫn là những nạn nhân chính của phong trào “bình Tây sát tả” của các sĩ phu hưởng ứng phong trào Cần Vương 1885-1896.

Khác với nhiều nhà Nho đương thời vốn vẫn mang nặng sự mặc cảm với những người Kitô hữu, Phan Bội Châu kêu gọi đoàn kết Lương - Giáo trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc⁽⁶⁾. Cơ sở để ông kêu gọi đoàn kết người Việt Nam không phân biệt tôn giáo là, *thứ nhất*, tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc của người Việt Nam được tôi luyện bởi hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Nhất là khi đất nước bị xâm lăng, tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc của người Việt Nam lại càng phát triển. *Thứ hai*, Phan Bội Châu có hướng tiếp cận khác đối với Kitô giáo so với nhiều nhà Nho đương thời vốn nhấn mạnh mối quan hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân một cách cực đoan. Khác với họ, Phan Bội Châu nhận thấy tính hướng thiện trong tinh thần của Phúc Âm, tinh thần nhân đạo, nhân văn trong các giá trị đạo đức và văn hóa Kitô giáo.

Do vậy, Phan Bội Châu không đồng ý với sự kì thị người Công giáo ở một số nhà Nho đương thời. Việc tham gia của một số người Công giáo vào phong trào Đông Du, trong đó phải kể tới Mai Lão Bạng (Già Châu), cho thấy sự đúng đắn trong quan niệm của Phan Bội Châu. Cơ sở cho tư tưởng đoàn kết tôn giáo này là

5. Max Weber, *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản...* Sđd., tr. 313.

6. Cách phân biệt Lương - Giáo do triều Nguyễn đưa ra, được sử dụng cho tới cuối những năm 1980. Trung thành với lịch sử thời kì Phan Bội Châu, bài viết vẫn sử dụng cách gọi này, dù cách gọi đó nay không còn phù hợp.

những tương đồng trong giá trị văn hóa và đạo đức của các tôn giáo. Cho dù Nho giáo và Kitô giáo có nhiều điểm khác biệt về giáo lý, thì cả hai đều có tính hướng thiện, chứa đựng những giá trị nhân văn, khuyên người ta tương thân tương ái. Ông là một trong những người đầu tiên nhận thấy vai trò tích cực của tôn giáo nói chung, của Kitô giáo nói riêng, trong sự phát triển xã hội Việt Nam và đề cập tới vấn đề này trong *Việt Nam quốc sử khảo* lần đầu tiên được xuất bản năm 1909. “Nói về lợi ích của Thiên Chúa giáo đối với quốc gia, có bốn điều quan trọng: 1/ Thiên Chúa giáo chú trọng việc tương thân tương ái, biết hợp quần đoàn thể, có cái cảm tình không ước hèn mà đồng tâm. *Đó là lợi ích thứ nhất* (xem chỗ quốc dân tụ tập để nghe giảng đạo, thì thấy ngay được sự tương thân tương ái đó). 2/ Thiên Chúa giáo chuyên chú trọng về linh hồn mà coi khinh thể xác, cho nên khi dồn ra làm việc nghĩa thì có được cái phong thái coi nhẹ việc sống mà dám chết. *Đó là lợi ích thứ hai* (xem lúc giao chiến, nếu có giáo dân tham gia thì thấy họ là những người coi đi đến cái chết như đi về nhà). 3/ Thiên Chúa giáo đều biết: trước hãy lo cho công lợi đã, sau mới đến tư ích, trước lo việc nước, sau mới đến việc nhà. Khi vào làm việc lợi ích công cộng cho xã hội thì toàn thể mọi người tin yêu nhau, nên dễ bề tập hợp. *Đó là lợi ích thứ ba*. 4/ Thiên Chúa giáo chuyên chú trọng về thờ phụng Thượng Đế, không thờ thần nào khác, cho nên bớt được tất cả mọi sự tốn kém vô ích về tế tự. *Đó là lợi ích thứ tư*”⁽⁷⁾.

Phan Bội Châu nhấn mạnh những giá trị văn hóa và đạo đức chứa đựng trong Kitô giáo. Trong khi đa số các nhà tư

tưởng đương thời nhấn mạnh tới mối quan hệ giữa sự truyền giáo với chủ nghĩa thực dân, để rồi từ đó phủ nhận tôn giáo này thì Phan Bội Châu là một trong những người ngoài Công giáo đầu tiên mở rộng tầm nhìn tới vai trò của tôn giáo trong sự phát triển xã hội. Ông nhận thấy một thực tế, nếu không có vai trò tích cực trong sự phát triển xã hội thì Kitô giáo không thể tồn tại và cái vai trò tích cực này phần nhiều là bởi các giá trị văn hóa và đạo đức của tôn giáo này. “Do bốn điều lợi ích như thế, nên các nước Âu - Mỹ mới độc tôn nó [Kitô giáo - NQH] (...). Bởi vậy, những người đứng đầu quốc gia muốn liên kết được quần chúng, duy trì được mệnh nước, thì việc nhờ tôn giáo giúp công vào cũng không phải là ít vậy”⁽⁸⁾. Phan Bội Châu phân biệt tinh thần hướng thiện chứa đựng trong các Phúc Âm khác với việc lợi dụng tôn giáo cho những hoạt động chính trị của một số thừa sai, chức sắc Công giáo. Việc Phan Bội Châu trình bày những quan niệm đạo đức - xã hội của Kitô giáo, trong đó nhấn mạnh tới mười điều răn, tới những Phúc Âm cho thấy, ông có dành thời giờ nghiên cứu những giáo lý, các quan niệm đạo đức của Kitô giáo⁽⁹⁾.

Phan Bội Châu hiểu rằng không thể nói tới văn hóa Âu - Mỹ thiếu Kitô giáo. Các nước Âu - Mỹ cường thịnh một phần cũng phải nhờ vai trò của Kitô giáo. Có như vậy thì Kitô giáo mới phát triển được ở Phương Tây. Rõ ràng, nói tới vai

7. Phan Bội Châu, *Việt Nam quốc sử khảo*, trong: *Phan Bội Châu Toàn tập*, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 465.

8. Phan Bội Châu, *Việt Nam quốc sử khảo*... Sđd., tr. 465.

9. Phan Bội Châu, *Việt Nam quốc sử khảo*... Sđd., tr. 463- 485..

trò của một tôn giáo thì phải tính tới nhiều yếu tố khác, chứ không chỉ nhấn mạnh một chiều quan hệ giữa truyền giáo với chủ nghĩa thực dân một cách cực đoan. Ông nhận thấy, việc Nhật thắng Nga trong chiến tranh Nga - Nhật năm 1905 không hẳn do sức mạnh quân sự, mà còn do những sức mạnh khác, chẳng hạn như văn hóa, trong đó phải nhấn mạnh tới tinh thần dân tộc, ý chí tự lực tự cường của người Nhật Bản. Cần khai thác những giá trị văn hóa tôn giáo để chấn hưng văn hóa Việt Nam là một trong những tư tưởng chính của Phan Bội Châu. “Tiếc rằng, vì do sự truyền giáo quá lan rộng ô ạt, nên trong đó có những tệ xấu sinh ra hoặc có người vẫn không tôn trọng 10 điều răn mà vẫn tham ô, dâm dật, dối trá... Đó chỉ là tội của một vài người cá biệt, chứ không phải tội của Thiên Chúa giáo. Bậc hiền triết có nói rằng: “Những cử nhân, tiến sĩ ngày nay là tội nhân của Khổng Tử, những thầy dòng, trình nữ ngày nay là tội nhân của Da Tô”. Nói như thế cũng có phần đúng. Nhưng nếu chỉ vì một vài tư nhân mà chỉ trích cả toàn giáo thì chẳng khác gì giận con rắn mà đốt cả cái áo, vì có đá mà vứt bỏ cả viên ngọc, thì thật là không thông việc đời quá lắm vậy”⁽¹⁰⁾.

Đánh giá những giá trị của văn hóa Kitô giáo chỉ là một phần trong tư tưởng của Phan Bội Châu. Sự uyên bác của ông trước hết trong nghiên cứu các giá trị văn hóa Nho giáo. Tác phẩm *Khổng học đăng* không chỉ trình bày những quan niệm chính của Nho giáo mà còn bàn về những vấn đề văn hóa của Nho giáo. Tác phẩm được Phan Bội Châu viết những năm cuối đời khi ông bị quản thúc ở Huế. Với dung lượng hàng ngàn trang, có lẽ

Khổng học đăng thuộc một trong những tác phẩm lớn nhất của Phan Bội Châu, trong đó trình bày những quan niệm chính của Khổng Tử, Mạnh Tử, các thế hệ học trò của ông cũng như các giai đoạn phát triển của Nho giáo suốt trên hai ngàn năm lịch sử. Các quan niệm Nho giáo từ tiên Tần tới thời Minh, thời Thanh đều được khảo cứu ở đây. Có lẽ đây là tác phẩm tương đối hệ thống về Nho giáo mà chúng ta có được cho tới đầu thế kỷ XX.

Khổng học đăng cho thấy ảnh hưởng của phương pháp nghiên cứu mác xít đối với Phan Bội Châu khi ông nhấn mạnh để hiểu và đánh giá đúng tư tưởng của một triết thuyết nào đó phải khảo cứu bối cảnh lịch sử, tới những điều kiện xã hội sản sinh ra cái triết thuyết đó. Tương tự như vậy khi khảo sát các quan niệm của những người sáng lập ra Nho giáo⁽¹¹⁾. Phan Bội Châu nhìn nhận cái tinh thần, cái hồn của Nho giáo không phải ở các nghi lễ, nghiã trong giáo huấn của các thánh hiền mà ở văn hóa Nho giáo. Ông nhấn mạnh trong *Luận ngữ* không hề có một câu nào dính đến cụm từ “xã hội”, nhưng tất thấy đạo lý của Khổng giáo nằm trong xã hội bởi mỗi người là một thành viên trong cộng đồng xã hội, không được tách biệt nghĩa vụ, bổn phận của mỗi người nằm trong một hoàn cảnh, môi trường xã hội cụ thể⁽¹²⁾. “Tuy nhiên, đạo trị nước đã có lẽ, tất phải có nhạc (...). Tất phải gốc ở nơi thịnh đức mà hình dung ra ở nơi thanh âm, khiến cho người

10. Phan Bội Châu, *Việt Nam quốc sử khảo...* Sđd. tr. 466.

11. Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, hạ thiên. Phan Bội Châu Toàn tập, tập 10, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 53.

12. Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, thượng thiên... Sđd., tr. 192.

ta nghe nhạc mà tưởng tượng đến đức mới là nhạc hay ở trong đám chính trị; thế thời cần cho tận thiện tận mỹ, còn có gì hơn nhạc Thiệu của Ngu Thuấn? (...) Nhưng mà đạo lí thì thiên hạ, chỉ mấy chuyện trên ấy mới hình thức bề ngoài mà thôi. Nếu chỉ hình thức cho thiệt tốt đẹp, mà tinh thần tâm thuật chẳng ra gì, thế là căn bản đã hư thời cội gốc cũng đổ rồi, chẳng lấy gì thống ngự được bách quan, cảm hóa được vạn dân”⁽¹³⁾.

Ở đây, Phan Bội Châu không nhấn mạnh vai trò của các lễ nghi về mặt hình thức, mà hướng người đọc chú ý đến cái hồn, cái nội dung cốt cách ẩn chứa trong các lễ nghi đó nhằm tới giáo dục con người ý thức được địa vị của mình trong xã hội do lễ quy định. Phan Bội Châu giải nghĩa chữ “Đại học” trong kinh điển Nho giáo. Học ở đây bao hàm cả hành, đòi hỏi người học không phải chỉ hiểu được một vấn đề nào đó mà còn thực hiện được nó trong hoạt động của mình, gắn kết lí thuyết với thực hành. “Đại học là gì? Là học cho đến lúc triệt thượng triệt hạ, thành kĩ, thành nhân; từ thân mà ra, từ gia mà quốc, quốc mà thiên hạ, quy nạp vào ở trong Đại học. Đã hiểu được nghĩa chữ “Đại học” như thế, bây giờ mới phải tìm cho ra đường lối làm sao mới đến được Đại học. Vậy nên mở pho sách Đại học thời thấy bốn chữ “Đại học chi đạo” ở đầu cùng. Chữ “đạo” nghĩa là đường lối, lại nghĩa là chân lí, cũng nghĩa là phương pháp; đủ ba nghĩa ấy mới hết được nghĩa chữ “đạo”. Tìm cho ra đường lối đến Đại học, nhân cho chân lí của Đại học, làm cho đúng phương pháp của Đại học, như thế là đúng nghĩa câu “Đại học chi đạo (...) Đạo Đại học chẳng phải đạo riêng của một người mà thôi,

mà là đạo chung của cả thiên hạ, tất phải xem người thiên hạ (...) thân dân”⁽¹⁴⁾.

Phan Bội Châu nhận thấy khác biệt giữa Mạnh Tử và Khổng Tử trong cách hiểu một số vấn đề. Khổng Tử thì lấy sách đời xưa làm quý trọng, nhưng Mạnh Tử lại nhấn mạnh đọc sách cốt biết biến hóa, nếu cứ tin hết cả vào những điều trong sách vở thì chưa phải đã hay. Khổng Tử hiểu nội hàm chữ “đạo” chỉ bao hàm những điều tốt, trong khi Mạnh Tử bên cạnh những điều tốt, lại không loại trừ cả cái xấu ẩn chứa trong nội dung của chữ “đạo”. Khổng Tử nói về chữ tâm thiên về chữ nhân, trong khi Mạnh Tử lại thêm vào cả chữ nghĩa⁽¹⁵⁾.

Trong các tôn giáo có nguồn gốc từ Phương Tây, ngoài Công giáo, Phan Bội Châu còn biết tới cả đạo Tin Lành. Ông ví vai trò của Luther đối với Kitô giáo cũng tương tự như vai trò của Tuân Tử đối với đạo của Khổng-Mạnh, bởi cả hai ông, Tuân Tử và Luther đều là những nhà canh tân học thuyết của các vị tiền bối⁽¹⁶⁾. Việc chủ trương đường lối cứu nước bằng phương pháp bạo động cho thấy Phan Bội Châu không chỉ chịu ảnh hưởng của Mạnh Tử, mà cả Tuân Tử.

Phan Bội Châu hoàn toàn ý thức được rằng các tôn giáo lớn, tuy khác nhau về giáo lí, các quan niệm thần học, nhưng đều chung tinh thần nhân văn, nhân bản. Tư tưởng chủ đạo của ông là người Việt

13. Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, thượng thiên... Sdd., tr. 117.

14. Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, trung thiên. *Phan Bội Châu Toàn tập*, tập 9, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 292 - 293.

15. Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, hạ thiên... Sdd., tr. 20-22.

16. Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, hạ thiên... Sdd., tr. 297.

Nam cần tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại, của các tôn giáo, của các dân tộc Phương Đông và Phương Tây để cường thịnh, tiến tới đánh đổ chế độ thuộc địa, tự lập tự cường. “Bốn luân đạo đời xưa truyền lại: “quân thần hữu nghĩa, phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tư”, bốn câu ấy trái hẳn với tinh thần chữ “ái” thuộc về bình đẳng (...) Hai vị thánh là Thích Ca và Cơ Đốc (...) (Tam thánh: Khổng, Thích, Gia) chỉ có một luân đạo là bằng hữu tin thực với nhau mà thôi; bởi vì luân đạo bằng hữu đó, mới thật là luân đạo nặng lớn mà ước muốn đời cộng thông, chẳng bao giờ tiêu hủy được. Vậy, nên luân đạo ở thế giới tương lai, chỉ có một đạo bằng hữu (...) chân lí của chữ “ái” là cốt ở nhân loại bình đẳng (...) Nếu theo như tư tưởng Đông Phương ta, từ ba vị thánh tổ sư truyền lại, thiết tốt cho hơn cho họ [người Âu Mỹ - NQH] nhiều. Vậy nên bọn ta từ nay về sau, phải hết sức đánh đổ mê vọng vật chất của chúng nó. Còn văn hóa gì hay của họ, ta cũng góp lật lại, đúc cả đông tây vào một lò, làm cho được có một ngày thành ra cuộc thái bình là vạn quốc bình đẳng. Đó là trách nhiệm cần nhất ở trên vai chúng ta”⁽¹⁷⁾.

Trong bối cảnh nhiều phong trào yêu nước chống Pháp thất bại, sự du nhập của các trào lưu tư tưởng Phương Tây, có không ít những chỉ trích Nho giáo, quy lỗi triều Nguyễn vì Nho giáo mà bất lực trong việc chống lại sự xâm lược của Pháp, tư tưởng chủ đạo của Phan Bội Châu là không phải quan niệm nào của Nho giáo cũng tiêu cực cả. Cần phân biệt Hán Nho với Tống Nho, phân biệt Nho giáo của Khổng - Mạnh (mà theo Phan Bội Châu vẫn còn chứa đựng nhiều giá

trị văn hóa quý giá), với việc tiếp thu Nho giáo có cải biên, của các nhà Nho Trung Hoa suốt hai ngàn năm lịch sử từ thời Tần, Đường, Tống, Minh, Thanh (nhiều trường hợp bóp méo tư tưởng của các bậc tiền bối).

Tiếp mạch tư tưởng của Phan Bội Châu khảo cứu lịch sử phát triển của Nho giáo bên Trung Hoa, Huỳnh Thúc Kháng trên báo *Tiếng Dân* cũng có bài tổng quan lịch sử phát triển của Nho giáo ở Việt Nam. Ông nhận thấy một thực tế không phải nhà tư tưởng nào cũng tiếp thu được những tinh hoa trong học thuyết của Khổng - Mạnh. Có những nhà tư tưởng vì những lí do khác nhau (trình độ nhận thức, động cơ cá nhân...) đã hiểu sai, xuyên tạc, hoặc lấy những gì tiêu cực của Nho giáo trong khi bỏ qua những tinh túy của nó. Các nhà Nho Việt Nam chịu ảnh hưởng của Tống Nho hơn là Hán Nho. “Than ôi! cái học Khổng - Mạnh lai ra Tống Nho, Tống Nho lại lai sang khoa cử, đến Tống Nho và khoa cử nhập chung lại mà lai ra cái học “Tiết yếu” của Bùi Huy Bích, thì trong học giới ấy còn bảo có nhân tài xuất hiện được hay sao?”⁽¹⁸⁾. Thất vọng với việc các nhà Nho Việt Nam bị cái Tống Nho làm cho mờ mắt, Huỳnh Thúc Kháng đánh giá cao vai trò của Phan Bội Châu trong việc tiếp thu các giá trị tư tưởng Nho giáo và Phương Tây. “Ôi! có lẽ linh hồn người mình đã bị cái học Tống Nho nhiễm sâu mà không chữa được hay sao? (...) Bởi cái

17. Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, hạ thiên. Sđd., tr. 413-414.

18. Minh viên Huỳnh Thúc Kháng. Trích báo *Tiếng Dân*. *Lối học khoa cử và lối học của Tống Nho có phải là học đạo Khổng Mạnh không?* Trong: Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, hạ thiên... Sđd., tr. 429.

học Tống Nho và khoa cử là cái nhân ngày trước mà ngày nay chúng ta phải mang cái quả không tốt kia. Nếu ngày nay trong học giới ta không lo tạo cái nhân tốt, thì cái quả xấu sau này, biết đâu là bờ! (...) Cụ Tây Hồ là một nhà tiên thời nhân vật gần đây, bình sinh rất phản đối Tống Nho và Tây học lại có con mắt đặc biệt phát kiến nhiều chỗ tinh túy [Theo Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu là người Việt đầu tiên nhấn mạnh tư tưởng dân quyền mà ông tiếp thu từ Phương Tây - NQH]⁽¹⁹⁾.

3. Trần Trọng Kim và văn hóa Nho giáo

Cũng như Phan Bội Châu, Trần Trọng Kim không trực tiếp bàn về văn hóa tôn giáo nói chung mà đề cập tới những vấn đề cụ thể của văn hóa Nho giáo. Tác phẩm *Nho giáo* của ông được xuất bản lần đầu tiên năm 1930. Không bàn trực tiếp tới văn hóa tôn giáo. Ngay cả trong *Nho giáo* của ông, chỉ thấy ông khảo cứu lịch sử của Nho giáo qua các thời kì phát triển của nó, từ Hán Nho tới Tống Nho, từ Nho giáo tiền Tần, tới các môn phái của nó từ thời cổ đại cho tới Nho giáo Trung Hoa thời nhà Minh và nhà Thanh, những thăng trầm của Nho giáo trong hơn hai ngàn năm lịch sử. Ngoài trọng tâm chính là khảo cứu lịch sử phát triển của Nho giáo cũng như những quan niệm chính của nó, Trần Trọng Kim còn dành một chương khảo cứu Nho giáo ở Việt Nam. Nhận định sau của ông rất phù hợp với bối cảnh xã hội Việt Nam không chỉ trong lịch sử mà cả hiện tại. “Khổng Tử cho việc chính trị hay hay dở do ở người cầm quyền. Người cầm quyền biết theo đường ngay chính để sửa đạo nhân thì việc gì cũng thành ra ngay chính cả (...) Hễ người trên đã ngay chính thì người dưới

ắt phải theo mà bắt chước (...) Vua thì phải có quan. Quan là những người có tài có đức ở trong dân lựa chọn ra để giúp vua làm mọi việc ích lợi chung cả nước. Một nước trị hay loạn là do ở vua và quan giỏi hay dở. Bởi thế, về đường chính trị, Nho giáo lấy cái nghĩa *quân thần* làm trọng.”⁽²⁰⁾. Trần Trọng Kim đề cao cái khí tiết của một nhà Nho, phê phán cái thói vô liêm sỉ. Người lãnh đạo phải biết tự trọng. “Người quân tử làm việc chính trị phải có tài có đức xứng đáng mới làm được. Nếu mình tự lượng tài đức của mình không đủ, thì chớ có tham”⁽²¹⁾.

Tuy không dành một chương, thậm chí một tiết nào trực tiếp bàn về văn hóa Nho giáo, nhưng những vấn đề văn hóa Nho giáo được phân tích xen kẽ với những nhận định của ông về giáo lí của Nho giáo và vai trò của nó trong xã hội Trung Hoa và Việt Nam truyền thống. “Việc giáo dục của Nho giáo lại lấy đức làm gốc, và lấy trí dục làm ngọn. Cái gốc có bền chặt, thì cái ngọn mới tươi tốt. Có đức dục thì nghĩa lí thấm thía vào lòng người ta, làm cho tự mình bỏ được cái bụng gian tà. Người có học hạnh thường bó mình ở trong cái phạm vi

19. Huỳnh Thúc Kháng, Trích báo Tiếng Dân. Lối học khoa cử và lối học của Tống Nho có phải là học đạo Khổng Mạnh không? Trong: Phan Bội Châu, Khổng học đăng, hạ thiên... Sdd., tr. 434.

20. Trần Trọng Kim, Nho giáo, Đại cương triết học Trung Quốc, Nxb. Tp. HCM, TP HCM, 1992, tr. 164.

21. Trần Trọng Kim, Nho giáo, Đại cương triết học Trung Quốc,... Sdd., tr. 175. Các nhà cách mạng Việt Nam dường như cũng muốn tận dụng quan niệm đạo đức này của Nho giáo để kêu gọi người cộng sản cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Hiện nay điều này không hiệu quả nếu thiếu sự nghiêm minh của hệ thống luật pháp.

đanh giáo (...) ấy thật là cái công của Nho giáo, dẫu người ta không hoàn toàn thực hành được cái đạo của thánh hiền, nhưng cũng gây được cái phong khí rất hay ở trong xã hội vậy. Có người nói rằng: cái quan niệm ấy thích hợp với cái trình độ người xưa (...) Đã hay rằng thời khoa học mở mang ra, sự sinh hoạt không giản dị đơn sơ như trước nữa, sự giáo dục ngày nay tất không thể không chú trọng ở trí dục, nhưng thử xét xem ta có thể bỏ được đức dục đi không? Người có tài có trí mà không có tâm địa, không có khí tiết, thì dù ở đời nào mặc lòng, cũng chỉ là bọn gian ác, làm những việc ích kỷ hại nhân mà thôi (...) Nho giáo tuy từ xưa đến nay không chú trọng ở sự kinh doanh về đường vật chất (...) nhưng sự giáo dục của Nho giáo đã đào tạo ra được biết bao nhiêu người trung nghĩa, bao nhiêu người có khí tiết, có nhân phẩm cao thượng, biết quên mình về việc thiên hạ quốc gia, chẳng hơn những hạng người xảo quyết đời nay (...) để làm những điều tự tư tự lợi hay sao?⁽²²⁾

Đối lập với các nhà Tây học cùng thời, Trần Trọng Kim, một mặt, nhấn mạnh rằng hiện nay chúng ta phải tiếp thu nền học thuật của Phương Tây, nhưng mặt khác, cũng không nên vì thế, mà hạ thấp cái vai trò của nền học thuật Nho giáo truyền thống của cha ông ta. Vấn đề là bỏ đi những gì hủ bại của Nho giáo, nhưng những giá trị tích cực của nó thì cần bảo tồn và phát huy. “Nói rút lại, ta muốn rằng người mình bây giờ phải theo thời mà học tập: thực nghiệm, kinh tế, binh gia, toán pháp, vật lí, hoá học, bao nhiêu những khoa học trí dục đều phải học như người ta, nhưng phải lấy Nho giáo làm cái nền đức dục, nghĩa là lấy

cái tinh thần, dù ở vào cảnh ngộ nào cũng có cái nhân cách đặc biệt, có cái phẩm giá tôn quý, không phụ cái tiếng nhân linh ư vạn vật. Nếu ta biết theo cái phương châm ấy mà học tập, mà hành động, thì cái nền giáo dục của ta sau này chắc có nhiều hi vọng lắm vậy.”⁽²³⁾

Những lời khuyên trên đây của Trần Trọng Kim nay vẫn còn nguyên giá trị.

4. Kết luận

Cả Phan Bội Châu và Trần Trọng Kim đều là những đại biểu của khuynh hướng tiếp tục phát triển Nho giáo và văn hóa truyền thống của dân tộc, làm cho chúng thích ứng với những điều kiện lịch sử mới, khác với những đại biểu chịu ảnh hưởng của Tây học như Phan Chu Trinh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, v.v... Không phê phán Tây học, nhưng Phan Bội Châu và Trần Trọng Kim đều cho rằng người Việt Nam vẫn phải đứng trên đôi chân của văn hóa Nho giáo truyền thống trên con đường tự lập tự cường dân tộc. Cả hai ông không bàn tới văn hóa tôn giáo như một loại hình văn hóa đặc thù, nhưng đều bàn tới những vấn đề cụ thể của văn hóa Kitô giáo và văn hóa Nho giáo, thấy được cái sinh khí, cái hồn của tôn giáo là ở các giá trị văn hóa mà các tôn giáo đó chuyển tải. Các giá trị văn hóa cốt lõi Nho giáo nằm trong tinh thần nhân văn của học thuyết của Khổng-Mạnh. Tương tự như vậy, các giá trị văn hóa cốt lõi Kitô giáo là những giá trị căn tính trường tồn trong Phúc Âm. Chúng làm nên tảng, khơi nguồn sự sống cho các tôn giáo đó/.

22. Trần Trọng Kim, *Nho giáo, Đại cương triết học Trung Quốc*,... Sdd., tr. 744-746.

23. Trần Trọng Kim, *Nho giáo, Đại cương triết học Trung Quốc*,... Sdd., tr. 747.